DANH SÁCH SINH VIÊN THUỘC ĐỐI TƯỢNG TRỢ CẤP CON DÂN TỘC

(Kèm theo QĐ số: 670/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hiệu trưởng Nhà trường)

TT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp	Số tháng	Số tiền/tháng	Tổng cộng	Ký nhận
I	**Cơ sở Hà Nội**								
1	17107100023	Bùi Thị	Thơm	06/10/1999	DHQT11A1HN	5	894,000	4,470,000	
2	17107100192	Hoàng Hiểu	Phong	01/11/1998	DHQT11A8HN	5	894,000	4,470,000	
3	17102100042	Nông Thị	Thơm	17/10/1999	DHTP11A1HN	5	894,000	4,470,000	
4	18107200059	Dương Thúy	Kiều	24/10/2000	DHTM 12A2HN	5	894,000	4,470,000	
5	19107100326	Bùi Thị	Hường	4/6/2001	DH QT13A1HN	5	894,000	4,470,000	
6	19107100156	Hoàng Văn	Giang	13/04/2001	DH QT13A3HN	5	894,000	4,470,000	
7	18107100136	Leo Thị	Thúy	22/10/1997	DHQT13A6HN	5	894,000	4,470,000	
8	19104100130	Hoàng Văn	Hạnh	9/27/2001	DH DI13A1HN	5	894,000	4,470,000	
9	19104100146	Trần Đình	Huấn	10/25/2001	DH DI13A2HN	5	894,000	4,470,000	
10	20101300023	Bùi Thị	Diệu	20/11/2002	DHMA14A3HN	5	894,000	4,470,000	
11	20106100655	Đinh Thị	Vinh	04/06/2002	DHKT14A9HN	5	894,000	4,470,000	
12	20106100704	Lưu Thị	Huyền	1/3/2002	DHKT14A11HN	5	894,000	4,470,000	
13	20106100957	Trần Thu	Hà	10/04/2002	DHKT14A14HN	5	894,000	4,470,000	
14	20107200160	Đàm Minh	Đức	27/12/2002	DHTM14A3HN	5	894,000	4,470,000	
15	20107100955	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	7/28/2002	DHQT14A14HN	5	894,000	4,470,000	
16	20103100783	Lưu Tuấn	Đạt	05/07/2002	DHTI14A5HN	5	894,000	4,470,000	
17	20103100116	Nguyễn Thảo	Vy	03/02/2002	DHTI14A5HN	5	894,000	4,470,000	
18	18106500014	Nguyễn Thị	Chi	30/04/2000	CDKT27A1HN	5	894,000	4,470,000	
19	18106500022	Nông Thị	Thoa	25/05/1999	CDKT27A1HN	5	894,000	4,470,000	
II	**Cơ sở Nam Định**								
1	19206100022	Nông Thị	Ly	11/10/2001	ĐH KT13A1NĐ	5	894,000	4,470,000	
		Tổng Cộng:						**89,400,000**	

Bằng chữ: Tám mươi chín triệu bốn trăm ngàn đồng.

Hà Nội, ngày 09 tháng 12 năm 2020

BGH Duyệt | Phòng TCKT | Phòng CTSV

(đã ký)

(đã ký)

(đã ký)